

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**

Số: 15 /CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST

Quý IV năm 2020 và năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lỗ; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước trong Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty quý IV/ 2020 và năm 2020 như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp:

a. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý IV/2020 và Quý IV/2019:

Chỉ tiêu	Quý IV/2020	Quý IV/2019	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.809	56.431	28.378	50,29
Các khoản giảm trừ	315	428	(113)	(26,33)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	84.494	56.003	28.491	50,87
Giá vốn hàng bán	75.168	67.379	7.789	11,56
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	9.326	(11.376)	20.702	(181,98)
Doanh thu hoạt động tài chính	58,9	125,6	(67)	(53,13)
Chi phí tài chính	6.905,6	11.952	(5.046)	(42,22)
Chi phí bán hàng	984	1.199	(214)	(17,89)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.511	3.180	2.331	73,30
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.017)	(27.581)	23.565	(85,44)
Thu nhập khác	2.650	18	2.632	-
Chi phí khác	270	4.747	(4.476)	-
Lợi nhuận khác	2.380	(4.729)	7.108	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.637)	(32.310)	30.673	(94,93)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.637)	(32.310)	30.673	(94,93)

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2020 của Công ty lỗ 1.637 triệu đồng giảm lỗ 30.673 triệu đồng so với quý IV/2019(lỗ 32.310 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý IV/2020 là: 84.809 triệu đồng tăng so với quý IV/2019 (56.431 triệu đồng) là: 50,29% tương ứng với 28.378 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý III/2020 là: 98.314,59 tấn xi măng các loại tăng so với quý IV/2019 (64.693,08 tấn) tương đương tăng 51,97 %. Giá vốn hàng bán tăng từ 67.379 triệu đồng của quý IV/2019 lên 75.168 triệu đồng quý IV/2020 (tăng 11,56 % tương ứng tăng 7.789 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý IV/2020 tăng 20.702 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý IV/2020 là: 984 triệu đồng giảm 214 triệu đồng so với quý IV/2019 (1.199 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý IV/2020 (5.511 triệu đồng) tăng 2.331 triệu đồng so với quý IV/2019 (3.180 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 5.046 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý IV/2020 tăng so với quý IV/2019 là: 23.565 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 7.108 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý IV/2020 tăng 30.673 triệu đồng so với quý IV/2019.

b. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch năm 2020 và năm 2019:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	265.093	225.418	39.675	17,60
Các khoản giảm trừ	867	2.413	(1.547)	(64,08)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	264.227	223.005	41.222	18,48
Giá vốn hàng bán	250.583	235.833	14.749	6,25
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	13.644	(12.828)	26.472	(206,35)
Doanh thu hoạt động tài chính	59,8	131	(71)	(54,37)
Chi phí tài chính	25.282,2	28.888	(3.606)	(12,48)
Chi phí bán hàng	6.087	5.472	615	11,23
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.450	12.961	3.489	26,92
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(34.116)	(60.019)	25.903	(43,16)
Thu nhập khác	2.686	27	2.659	9.978,51
Chi phí khác	270	4.756	(4.485)	(94,31)
Lợi nhuận khác	2.415	(4.729)	7.144	(151,07)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(31.701)	(64.748)	33.047	(51,04)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(31.701)	(64.748)	33.047	(51,04)

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty lỗ 31.701 triệu đồng giảm lỗ 33.047 triệu đồng so với năm 2019 (lỗ 64.748 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2020 là: 264.227 triệu đồng tăng so với năm 2019 (223.005 triệu đồng) là: 18,48% tương ứng với 41.222 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của năm 2020 là: 298.697,58 tấn xi măng các loại tăng so với năm 2019 (245.037,77 tấn) tương đương tăng 21,9 % .Giá vốn hàng bán tăng từ 235.833 triệu đồng của năm 2019 lên 250.583 triệu đồng năm 2020 (tăng 6,25 % tương ứng tăng 14.749 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2020 tăng 26.472 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của năm 2020 là: 6.087 triệu đồng tăng 615 triệu đồng so với năm 2019 (5.472 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2020 (16.450 triệu đồng) tăng 3.489 triệu đồng so với năm 2019 (12.961 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 3.606 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2020 tăng so với năm 2019 là: 25.903 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 7.144 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020 tăng 33.047 triệu đồng so với năm 2019.

II. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty:

a. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý IV/2020 và Quý IV/2019:

Chỉ tiêu	Quý IV/2020	Quý IV/2019	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.809	56.431	28.378	50,29
Các khoản giảm trừ	315	428	(113)	(26,33)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	84.494	56.003	28.491	50,87
Giá vốn hàng bán	75.168	67.379	7.789	11,56
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	9.326	(11.376)	20.702	(181,98)
Doanh thu hoạt động tài chính	58,9	125,6	(67)	(53,13)
Chi phí tài chính	6.905,6	11.952	(5.046)	(42,22)
Chi phí bán hàng	984	1.199	(214)	(17,89)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.511	3.180	2.331	73,30
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.017)	(27.581)	23.565	(85,44)
Thu nhập khác	2.650	18	2.632	-
Chi phí khác	270	4.747	(4.476)	-
Lợi nhuận khác	2.380	(4.729)	7.108	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.637)	(32.310)	30.673	(94,93)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.637)	(32.310)	30.673	(94,93)

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2020 của Công ty lỗ 1.637 triệu đồng giảm lỗ 30.673 triệu đồng so với quý IV/2019(lỗ 32.310 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý IV/2020 là: 84.809 triệu đồng tăng so với quý IV/2019 (56.431 triệu đồng) là: 50,29% tương ứng với 28.378 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý III/2020 là: 98.314,59 tấn xi măng các loại tăng so với quý IV/2019 (64.693,08 tấn) tương đương tăng 51,97 %. Giá vốn hàng bán tăng từ 67.379 triệu đồng của quý IV/2019 lên 75.168 triệu đồng quý IV/2020 (tăng 11,56 % tương ứng tăng 7.789 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý IV/2020 tăng 20.702 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của quý IV/2020 là: 984 triệu đồng giảm 214 triệu đồng so với quý IV/2019(1.199 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý IV/2020 (5.511 triệu đồng) tăng 2.331 triệu đồng so với quý IV/2019 (3.180 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 5.046 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý IV/2020 tăng so với quý IV/2019 là: 23.565 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 7.108 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý IV/2020 tăng 30.673 triệu đồng so với quý IV/2019.

b. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch năm 2020 và năm 2019:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	265.093	225.418	39.675	17,60
Các khoản giảm trừ	867	2.413	(1.547)	(64,08)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	264.227	223.005	41.222	18,48
Giá vốn hàng bán	250.583	235.833	14.749	6,25
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	13.644	(12.828)	26.472	(206,35)
Doanh thu hoạt động tài chính	59,8	131	(71)	(54,37)
Chi phí tài chính	25.282,2	28.888	(3.606)	(12,48)
Chi phí bán hàng	6.087	5.472	615	11,23
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.450	12.961	3.489	26,92
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(34.116)	(60.019)	25.903	(43,16)
Thu nhập khác	2.686	27	2.659	9.978,51
Chi phí khác	270	4.756	(4.485)	(94,31)
Lợi nhuận khác	2.415	(4.729)	7.144	(151,07)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(31.701)	(64.748)	33.047	(51,04)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(31.701)	(64.748)	33.047	(51,04)

Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty lỗ 31.701 triệu đồng giảm lỗ 33.047 triệu đồng so với năm 2019(lỗ 64.748 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2020 là: 264.227 triệu đồng tăng so với năm 2019 (223.005 triệu đồng) là: 18,48% tương ứng với 41.222 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của năm 2020 là: 298.697,58 tấn xi măng các loại tăng so với năm 2019 (245.037,77 tấn) tương đương tăng 21,9 % .Giá vốn hàng bán tăng từ 235.833 triệu đồng của năm 2019 lên 250.583 triệu đồng năm 2020 (tăng 6,25 % tương ứng tăng 14.749 triệu đồng).Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2020 tăng 26.472 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng của năm 2020 là: 6.087 triệu đồng tăng 615 triệu đồng so với năm 2019 (5.472 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2020 (16.450 triệu đồng) tăng 3.489 triệu đồng so với năm 2019 (12.961 triệu đồng). Chi phí tài chính giảm 3.606 triệu đồng.Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2020 tăng so với năm 2019 là: 25.903 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác tăng 7.144 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020 tăng 33.047 triệu đồng so với năm 2019.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm Soát(B/c);
- Lưu VP.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuấn Đạt